TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Triều đại Joseon và thời kỳ suy thoái của Phật giáo xứ Kim Chi

ISSN: 2734-9195 15:00 25/06/2026

Song song đó, sự xuất hiện của các đồ tượng và đồ họa Phật giáo mới, được cấu trúc hóa dựa trên nội dung cụ thể của từng khoa nghi, đã minh chứng cho bước chuyển mình toàn diện của nền mỹ thuật Phật giáo đương thời.

Tầng lớp Sĩ đại phu (□□□ - 士大夫), những người đặt nền móng thành lập triều đại Joseon (1392-1910), đã lựa chọn Tống Nho (Tân Nho giáo) làm hệ tư tưởng cốt lõi để thực hiện cuộc cải cách thể chế toàn diện. Đây là một chuyển dịch mang tính bước ngoặt nhằm thay thế thế lực quý tộc cũ và giải quyết **tình trạng suy thoái của Phật giáo** vào cuối thời Goryeo.

Hệ thống chính sách mới đều quán triệt nguyên tắc bài Phật giáo làm căn bản. Phần lớn các ghi chép đương thời về Phật giáo giai đoạn đầu triều Joseon chủ yếu tập trung phản ánh các hiện tượng tiêu cực trong thiền môn, lập luận về việc áp đặt nghĩa vụ lao dịch lên các cơ sở tự viện, tịch thu ruộng đất chùa chiền, sáp nhập các tông phái và tinh giản cơ sở thờ tự.

Các tài liệu này cũng lưu lại hệ thống sớ tấu phản bác của giới Nho sĩ đối với tăng lữ, những người bị phê phán là “ngồi không hưởng lộc” (□□□ , 無爲徒食). Dưới tác động của các biện pháp chế tài như giảm số lượng tự viện, áp thuế và bãi bỏ chế độ độ điệp (chứng điệp thụ giới của tăng, ni), giáo đoàn Phật giáo Joseon đã rơi vào cục diện suy vi nghiêm trọng.



(Ảnh: Internet)

Chuỗi chính sách này là hệ quả tất yếu từ việc Joseon xác lập **Nho giáo** làm hệ tư tưởng chính thống, thể hiện ý chí cải cách của vương triều mới đối với một hệ thống tôn giáo đã quá phóng túng và suy thoái trước đó. Dù các chính văn trong Triều Tiên Vương Triều Thực Lục (□□□□□□ , 朝鮮王朝實錄) hay Thừa Chính Viện Nhật Ký (□□□□ , 承政院日記) ghi nhận đậm nét xu hướng bài xích và hạn chế Phật giáo từ phía chính quyền, song các di sản văn hóa vật thể còn tồn tại đến ngày nay lại minh chứng cho một diện mạo khác: sức sống bền bỉ của tín ngưỡng đại chúng ẩn tàng bên dưới cấu trúc xã hội công quyền Joseon.

Trái với xu hướng suy vi trong không gian chính trị, Phật giáo thời kỳ Joseon lại chứng kiến sự chuyển dịch và phát triển mạnh mẽ trong lòng xã hội đại chúng. Lúc này, nghệ thuật và **nghi lễ Phật giáo** - với sự kết hợp giữa triết lý nội tâm và các hình thái biểu diễn thẩm mỹ - đã trở thành phương tiện cốt lõi để hoằng dương Phật pháp và cố kết cộng đồng. Mặc dù mất đi địa vị quốc giáo, đồng thời các hoạt động hộ trì Phật giáo của hoàng thất và tầng lớp Sĩ đại phu bị thu hẹp đáng kể, đạo Phật lại tiếp cận và thu hút được các tầng lớp tín đồ mới trong cấu trúc xã hội.

Tiến trình bình dân hóa này giúp Phật giáo bám rễ vững chắc hơn vào đời sống thường nhật của nhân dân. Nhằm thích ứng với đối tượng tiếp nhận mới, Phật giáo Joseon đã chuyển hướng, lấy **văn hóa nghệ thuật** và các phương thức nghi lễ làm trung tâm hoạt động. Dù thể chế quản lý xã hội theo Nho giáo được xác lập toàn diện và nguồn tài trợ chính thức từ triều đình bị cắt bỏ, các đàn tràng nghi lễ vẫn ngày càng thịnh hành dưới sự chủ trì của tăng giới và hệ thống tự viện.

Diện mạo văn hóa nghệ thuật và nghi lễ Phật giáo Joseon đã đạt đến giai đoạn phục hưng đặc biệt vào thời kỳ hậu kỳ (Hậu Joseon). Đây là kết quả của quá trình tái thiết xã hội sau khi vương triều trải qua các cuộc khủng hoảng quốc gia nghiêm trọng, bao gồm cuộc chiến tranh Nhâm Thìn (□□□□ - 壬辰倭亂) do Nhật Bản phát động vào cuối thế kỷ XVI và cuộc biến loạn Bính Tý (□□□□ - 丙子胡亂) do quân Mãn Thanh xâm lược vào giữa thế kỷ XVII.

Bối cảnh hậu chiến sau cuộc **chiến tranh** Nhâm Thìn được ghi nhận với những hình ảnh đặc trưng về sự hoang tàn, cô độc của các làng mạc bị tàn phá. Sự suy sụp về sinh kế tiếp tục bị trầm trọng hóa bởi chuỗi thiên tai liên tiếp như lũ lụt, hạn hán, nạn dịch châu chấu và các đợt dịch bệnh quy mô lớn.

Trong tâm thức dân gian đương thời, những tai ương này thường được quy thuộc về sự oán hận và nhiễu loạn của hệ thống “yêu quỷ” (□□) cùng “tà quỷ” (□□) - vốn là hiện thân tâm linh cho những vong hồn tử nạn thảm khốc và oan khuất trong chiến tranh.

Trước thực trạng khủng hoảng xã hội và tâm lý hệ thống đó, cộng đồng tăng tín đồ thời kỳ này đã hướng về Phật giáo như một phương thức giải thoát tâm linh. Nhằm chế ngự sự nhiễu loạn của quỷ thần và tìm kiếm sự bảo hộ của phật pháp, các đại pháp hội đã được tổ chức nhằm ban phát “Pháp hỷ thực” (□□□ , 法喜食). Đây là phương thức tế độ tâm linh, sử dụng niềm vui hỷ lạc khi tiếp cận chính pháp để xoa dịu, nuôi dưỡng tuệ mệnh cho các vong hồn, tương tự như vai trò của vật thực đối với thân xác thế gian.

Với mục đích siêu độ cho các “cô hồn” (□□), “hung quỷ” (□□) và “ác thần” (□□), cộng đồng đã tiến hành quyên góp rộng rãi, tập hợp đại chúng để kiến lập các đàn tràng quy mô, hướng đến sự dung hợp và tái thiết trật tự tâm linh xã hội.



Giai đoạn hậu chiến chứng kiến sự tiếp diễn liên miên của thiên tai, dịch bệnh và nạn đói, trở thành tác nhân trực tiếp thúc đẩy sự gia tăng của các nghi lễ siêu độ.

Trong nhận thức luận của cư dân Joseon đương thời, các thảm họa thực tại được lý giải là hệ quả từ sự nhiễu loạn của hệ thống oan hồn uổng tử. Trước tình thế đó, mặc dù thể chế Joseon không chính thức thừa nhận địa vị pháp lý của Phật giáo, chính quyền trung ương và địa phương vẫn ngầm bảo trợ cho việc kiến lập Thủy Lục Trai (□□□ , 水陸齋), nghi thức đại pháp hội quy mô, trang trọng và lớn nhất trong nghi lễ đàn tràng của Phật giáo Bắc truyền. Đây là lễ cúng thí thực, cầu siêu bình đẳng cho tất cả các loài hữu tình và các oan hồn uổng tử ở khắp mọi nơi, từ dưới nước (thủy) cho đến trên cạn (lục) cùng các đàn tràng cứu độ khác. Biện pháp này mang tính chiến lược nhằm xoa dịu sang chấn tâm lý đại chúng, ổn định lòng dân, đồng thời tái thiết và khôi phục trật tự cấu trúc tại các cộng đồng làng xã sau thời kỳ đổ vỡ.

So với thời kỳ Goryeo khi Phật giáo giữ địa vị quốc giáo, hệ thống nghi lễ thiền môn dưới triều Joseon đã bị thu hẹp đáng kể về cả chủng loại lẫn tần suất cử hành. Hệ quả từ sự tinh giản nghiêm ngặt này là tiến trình “phức hợp hóa” công năng, khi một số ít nghi lễ còn tồn tại phải tiếp nhận thêm các đặc tính bối cảnh mới. Minh chứng điển hình cho hiện tượng này là Thủy Lục Trai (水陸齋) -đàn tràng siêu độ cho các vong hồn tử nạn trên đất liền và sông nước với lịch sử phát triển lâu đời. Nghi quỹ này khởi nguyên từ Trung Hoa thời Nam-Bắc triều,

gắn liền với điển tích về giấc mộng của Lương Vũ Đế. Nhằm thực hiện cứu độ ngạ quỷ theo tôn chỉ kinh điển dựa trên cuộc đối thoại giữa Tôn giả A Nan và Diện Nhiên Quỷ Vương, nhà vua đã sắc chỉ Hòa thượng Chí Công cùng tăng giới đương thời biên soạn khoa nghi, đồng thời kiến lập trai đàn đầu tiên tại chùa Kim Sơn (Trấn Giang). Bước sang thời kỳ Joseon, Thủy Lục Trai đã thu nạp chức năng của các nghi lễ bị triều đình bãi bỏ, mở rộng phạm vi ứng dụng sang nhiều mục đích thực dụng xã hội như: tiêu trừ thiên tai, cầu đảo trị bệnh, và đẩy lùi dịch bệnh, trở thành đại lễ cầu siêu mang tính chất cố kết cộng đồng.

Trong giai đoạn đầu triều Joseon, đây là nghi lễ Phật giáo duy nhất duy trì được tính chính thống pháp lý đối với chính quyền vương triều, thậm chí còn được quy chuẩn hóa để cử hành như một nghi thức quốc táng dành cho hoàng thất.



Linh báu Kim Cương bằng đồng. được chế tác vào thời kỳ Goryeo.
Vật dụng này được sử dụng cùng với chùy Kim Cương
trong các nghi lễ Phật giáo. Chiếc chuông có phần thân hình quả chuông
và phần tay cầm mang hình dáng của một chiếc chùy Kim Cương.

Sự phát triển đồng bộ của văn hóa nghệ thuật và hệ thống nghi lễ Phật giáo Joseon tạo thành một chỉnh thể hữu cơ bất khả phân ly. Trong đó, nghi lễ đóng vai trò là hành động thực tiễn, còn nghệ thuật là phương tiện biểu đạt nhằm chuyển tải triết lý tôn giáo vào tâm thức đại chúng. Tiến trình này đã thúc đẩy những biến đổi sâu sắc trong cả cấu trúc không gian nội vi lẫn ngoại vi của tự viện. Nhằm đáp ứng nhu cầu cử hành các đàn tràng quy mô lớn ngoài trời, các bức tranh Phật giáo khổ lớn dùng riêng cho khoa nghi (Quải Phật - (□□ , 挂佛) bắt đầu được chế tác quy chuẩn. Đồng thời, kiến trúc và quy hoạch không gian già lam cũng dịch chuyển để tối ưu hóa công năng hành lễ. Các ngôi chùa thời kỳ Joseon nhìn chung đều chuyển sang đồ án bố trí theo cấu trúc Trung đình (□□□ , 中庭形 - sân giữa). Sơ đồ này thiết lập một khoảng sân rộng tại trung tâm, phía trước chính điện, kết hợp với một tòa cao lâu đặt ở mặt tiền vương đạo. Đây là một chuyển dịch kiến trúc mang tính bước ngoặt, xuất hiện khi khoảng sân trước Đại Hùng Điện thay thế không gian nội điện để trở thành trung tâm động thái của các khoa nghi quy mô. Hiện tượng này minh chứng cho sự tái định hình bản chất của tự viện Joseon: từ một không gian chiêm bái, lễ sám tĩnh tại thông thường chuyển hóa thành một không gian phức hợp phục vụ cho các đại đàn tràng nghi lễ đại chúng.

Sự phát triển đồng bộ của văn hóa nghệ thuật và hệ thống nghi lễ Phật giáo Joseon đã định hình nên một hệ thống văn hóa thị giác mang tính đột phá độc đáo. Dưới tác động từ tần suất gia tăng của các đại đàn tràng ngoài trời, cấu trúc Phật đàn (佛壇) vô hình trung đã được dịch chuyển từ không gian nội điện ra khoảng sân trung đình. Tại các đàn tràng thiết lập ngoại vi này, các bức Quải Phật (Gwaebul - 掛佛) - loại hình tranh Phật khổ lớn đặc thù khoa nghi - được tôn trí nhằm biểu trưng cho sự hiện diện linh thánh của đức Phật; đồng thời, hệ thống pháp khí (nghi thức cụ) và vật phẩm trang trí (trang nghiêm cụ) cũng được trang bị đồng bộ để trang hoàng đạo tràng.

Bước sang thời kỳ Joseon, hệ thống pháp khí không chỉ gia tăng về số lượng mà còn được quy chuẩn hóa với những công năng và ý nghĩa biểu tượng chuyên biệt. Song song đó, sự xuất hiện của các đồ tượng và đồ họa Phật giáo mới, được cấu trúc hóa dựa trên nội dung cụ thể của từng khoa nghi, đã minh chứng cho bước chuyển mình toàn diện của nền mỹ thuật Phật giáo đương thời.

Tác giả: □□□ **(Trịnh Minh Hy)**/Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: contents.history.go.kr